

Số: 27/2017/QĐST-HNGĐ

Trà Bồng, ngày 14 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, giữa:

Chị Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Đội 13, thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Phạm Đình T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 13, thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57, Điều 58, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1994.

Anh Phạm Đình T, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bé P và anh Phạm Đình T tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé P và anh Phạm Đình T thống nhất giao cháu **Phạm Nhã T, sinh ngày 15/10/2014** cho chị Nguyễn Thị Bé P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Anh Phạm Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nhã T 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phạm Nhã T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng nuôi con: Được thực hiện hàng tháng, tính từ tháng 07 năm 2017. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo qui định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí qui định, chị P và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí về yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Bé P tự nguyện nộp đủ 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Được khấu vào số tiền 300.000 đồng mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 010369 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, còn lại hoàn trả cho chị P 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn).

Anh Phạm Đình T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND xã Trà Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thanh Hải

